

Bản án số: 55/2017/HC-ST

Ngày: 18-9-2017

V/v khiếu kiện Quyết định hành
chính giải quyết đơn và khiếu kiện
hành vi không thực hiện việc cấp giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Kiều Diễm.

Ông Đoàn Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Châu Thùy Tam - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2017/TLST-HC ngày 22 tháng 5 năm 2017 về “Khiếu kiện Quyết định hành chính giải quyết đơn và khiếu kiện hành vi không thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2017/QĐXXST-HC ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1941; cư trú tại tổ 7, ấp C, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1967; cư trú tại khu phố 7, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang (văn bản ủy quyền ngày 17/6/2017).

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện P.

Địa chỉ: số 04, đường 30/4, khu phố H, thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông **Đinh Khoa T**, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện người khởi kiện ông Trần Văn B và người đại diện hợp pháp ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Trần Văn B có diện tích đất khoảng 30.000 m² tại ấp C, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang do cha mẹ để lại. Năm 1994 đất của ông B bị quy hoạch làm công trình công cộng. Trong thời gian chờ xây dựng ông B làm đơn yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện P chỉ lập trước cho ông B 6.000 m² đất (thửa 30), còn thửa 31 liền kề có diện tích 3.196,05 m² ông B vẫn quản lý, sử dụng nhưng chưa được cấp giấy. Năm 2005 Ủy ban nhân dân xã D có thỏa thuận với ông Trần Văn B nội dung: Ông Bấy đồng ý hiến phần đất thuộc thửa 31 cho Ủy ban nhân dân xã để làm nhà văn hóa với điều kiện trong thời hạn hai năm nếu xã không sử dụng thì ông B lấy lại đất.

Từ năm 2005 đến năm 2007 Ủy ban nhân dân xã D không sử dụng khu đất này để làm nhà văn hóa như thỏa thuận, vì vậy ông B đã vào khu đất phát dọn, trồng cây, cất nhà để ở.

Ngày 23/12/2009 Ủy ban nhân dân huyện P ra Quyết định số 4424/QĐ-XPHC xử phạt ông Trần Văn B 15.000.000 đồng do có hành vi lấn chiếm diện tích đất 3.160,3 m² tại xã D, huyện P. Ông B khiếu nại Quyết định này. Ngày 28/7/2010 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ra Quyết định số 2824/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại, giữ nguyên Quyết định số 4424/QĐ-XPHC ngày 23/12/2009. Nhưng từ năm 2009 đến nay ông B không chấp hành Quyết định xử phạt và vẫn sử dụng đất trồng cây, cất nhà.

Do có khiếu nại của ông B nên Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, Thanh tra Nhà nước tỉnh Kiên Giang cũng đã có công văn đề nghị Ủy ban nhân dân huyện P xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B đối với diện tích đất 3.160,3 m² tại ấp C, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 16/6/2016 ông B làm đơn gửi Ủy ban nhân dân huyện P và Phòng Tài

nguyên và môi trường huyện P yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 3.160,3 m² đất nêu trên. Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân huyện P đã nhận đơn nhưng không hướng dẫn gì cho ông B.

Ngày 04/4/2017 Ủy ban nhân dân huyện P ra Công văn số 131/UBND-NCPC về việc trả lời đơn của công dân, nội dung xác định diện tích đất 3.160,3 m² ông B đã bị xử phạt vi phạm hành chính nên không đủ điều kiện cấp giấy.

Ông B yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 131/UBND-NCPC ngày 04/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P và buộc Ủy ban nhân dân huyện P phải thực hiện quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện Ủy ban nhân dân huyện P đã nhận Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác nhưng không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện, không cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan đến vụ kiện và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của người bị kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn T đại diện cho ông Trần Văn B xác định ông B kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P yêu cầu hủy Công văn số 131/UBND-NCPC ngày 04/4/2017 vì thấy văn bản này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P ký, không phải đại diện Ủy ban nhân dân huyện. Nay ông xác định lại người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện P.

Về nội dung diện tích đất ông B yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc ông B đã sử dụng từ trước năm 1993. Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P xử phạt vi phạm hành chính đối với ông B là không đúng. Hiện tại diện tích đất này gia đình ông B đã cất bốn căn nhà kiên cố (đều xây dựng trước năm 2014), việc xây dựng không bị chính quyền xử phạt.

Ông T đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông B, hủy Công văn số 131/UBND-NCPC ngày 04/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P. Buộc Ủy ban nhân dân huyện P phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.160,3 m² cho ông Trần Văn B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án:

Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, việc xác minh thu thập chứng cứ thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Đối với Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Đối với người khởi kiện: Người khởi kiện và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Đối với người bị kiện: Từ khi thụ lý đến thời điểm mở phiên tòa xét xử vụ án, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện P không có văn bản nêu ý kiến, cũng không cung cấp hồ sơ liên quan đến Quyết định bị kiện, không tham gia các phiên họp theo thông báo của Tòa án mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ là vi phạm quy định tại Điều 55, Điều 57 của Luật tố tụng hành chính. Hơn nữa người đại diện theo pháp luật của người bị kiện bị kiện có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án của các cơ quan tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B. Hủy Công văn số 131/UBND-NCPC ngày 04/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P và buộc Ủy ban nhân dân huyện P thực hiện quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kiện của ông Bảy kiện Ủy ban nhân dân huyện P yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là khởi kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 30, Điều 32 của Luật tố tụng hành chính.

Về người bị kiện: Công văn số 131/UBND-NCPC ngày 04/4/2017 là Công văn xử lý trong lĩnh vực cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện P. Nên người bị kiện trong vụ kiện này là Ủy ban nhân dân huyện P.

Người bị kiện có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại Điều 158 của Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 16/6/2016 ông B gửi đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện P cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 31, tờ bản đồ số 15, diện tích 3.160,3 m² tọa lạc tại ấp C, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Đây là trường hợp xin cấp giấy lần đầu, ông B đã bị xử phạt vi phạm hành chính do có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai trước ngày 01/7/2004 nên phải áp dụng Điều 22 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai số 45/2013/QH13 về “việc xử lý, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014” để giải quyết.

Tại khoản 3 Điều 22 quy định:

“3. Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng hoặc tự ý chuyển mục đích sử dụng đất thuộc trường hợp phải xin phép theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thì thực hiện xử lý như sau:

a) Trường hợp đang sử dụng đất thuộc quy hoạch sử dụng đất cho các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai thì Nhà nước thu hồi đất trước khi thực hiện dự án, công trình đó.

Người đang sử dụng đất vi phạm được tạm thời sử dụng cho đến khi Nhà nước thu hồi đất, nhưng phải giữ nguyên hiện trạng đang sử dụng đất và phải kê khai đăng ký đất đai theo quy định”.

Và tại khoản 4 Điều 22 cũng nêu:

“4. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang mà đất đó phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền duyệt, không có tranh chấp thì được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo hạn mức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định; nếu vượt hạn mức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thì diện tích vượt hạn mức phải chuyển sang thuê”.

Như vậy theo quy định này, khi nhận đơn của ông B, Ủy ban nhân dân huyện P phải rà soát, thẩm tra xem phải áp dụng điểm, khoản nào của Điều 22 để giải quyết cho trường hợp của ông B. Sau khi có kết quả thẩm tra nếu thuộc diện không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới ra văn bản trả lời cho ông B. Ủy ban nhân dân huyện P chỉ căn cứ vào Điều 101 của Luật đất đai năm 2013 xác định ông B có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai, ra Công văn số 131/UBND-NCPC ngày 04/4/2017 với nội dung trả lời ông B không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 3.160,3 m², mà không áp dụng văn bản dưới luật để xử lý là chưa phù hợp.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang. Hủy Công văn số 131/UBND-NCPC ngày 04/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P. Buộc Ủy ban nhân dân huyện P phải thực hiện quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn B theo quy định của pháp luật.

[3] Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trần Văn B không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông B số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ủy ban nhân dân huyện P phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Trần Văn B tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai số 45/2013/QH13;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Hủy Công văn số 131/UBND-NCPC ngày 04/4/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang về việc trả lời đơn của công dân.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang phải thực hiện quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn B đối với diện tích đất 3.160,3 m² tại ấp C, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật.

- Án phí: Hoàn trả cho ông Trần Văn B số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã

nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu tiền số 0005924 ngày 12/5/2017.

Ủy ban nhân dân huyện P phải nộp án phí 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Thu